TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG YANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Nam Trung.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Định** và ông **Ayun**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Hoàng Y** – Sinh năm: 1990
Địa chỉ: 670 Duy Tân, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trịnh Thanh T** - Sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị Hoàng Y yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Y và ông Trịnh Thanh T sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 07 tháng 7 năm 2011. Việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn bà Y và ông T chung sống với nhau nhưng chỉ có được hạnh phúc trong thời gian ngắn, rồi sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không chịu lo làm ăn và thường xuyên kiếm chuyện đánh đập bà. Từ đầu năm

2018 đến nay bà và ông T không còn sống chung với nhau, bà Y cùng con về nhà bố mẹ đẻ mình ở tỉnh Kon Tum để sinh sống.

Nay bà Y xác định mình không còn tình cảm gì với ông T nữa, cuộc sống chung của vợ chồng cũng không còn có hạnh phúc nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Thanh T.

Về con chung: Bà Lương Thị Hoàng Y và ông Trịnh Thanh T có một con chung là Trịnh Lương Đại D - sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011. Bà Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Trịnh Lương Đại D và không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Hoàng Y đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm bản gốc giấy chứng nhận kết hôn mang tên Trịnh Thanh T – Lương Thị Hoàng Y do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp số 12, quyển số 0I ngày 07 tháng 7 năm 2011; Bản sao giấy khai sinh mang tên Trịnh Lương Đại D - sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 và đơn xác nhận nơi cư trú ngày 28 tháng 8 năm 2018.

***** Đối với bị đơn ông Trịnh Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án và không có lời khai tại phiên toà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống bà Y và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống cũng không có hạnh phúc và từ lâu nay bà Y và ông T cũng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của hai vợ chồng bà Y và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Y. Về con chung: Bà Y và ông T có một con chung là Trịnh Lương Đại D, bà Y có nguyện vọng được nuôi con, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bà Y. Vì vậy đề nghị giao con chung Trịnh Lương Đại D cho bà Lương Thị Hoàng Y nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản

chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 08/7/2019; tham gia phiên hòa giải vào các ngày 08/7/2019 và ngày 18/10/2019; tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm vào các ngày 03/7/2020 và ngày 03/8/2020 nhưng ông Trịnh Thanh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hoàng Y và ông Trịnh Thanh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 07 tháng 7 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bà Y và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con và thường hay đánh đập bà nên từ lâu bà Y và ông T không còn chung sống với nhau, mặc dù được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã được tổ trưởng tổ 7 (nay là tổ 2), thị trấn K xác nhận ngày 06/3/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông T như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

[3] Về con chung: Bà Y và ông T có 01 con chung là cháu Trịnh Lương Đại D - sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011, bà Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con, cháu Dương cũng có văn bản trình bày nguyện vọng xin được ở với bà Y, điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của bà Y nên giao cháu Trịnh Lương Đại D cho bà Lương Thị Hoàng Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do bà Y không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Lương Thị Hoàng Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà Lương Thị Hoàng Y xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lương Thị Hoàng Y là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Hoàng Y.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị Hoàng Y được ly hôn với ông Trịnh Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn được UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp số 12, quyển số 0I ngày 07 tháng 7 năm 2011).

Về con chung: Giao con chung Trịnh Lương Đại D - sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho bà Lương Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lương Thị Hoàng Y không yêu cầu ông Trịnh Thanh T phải đóng góp nuôi con chung.

Về án phí: Bà Lương Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000859 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà Lương Thị Hoàng Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/8/2020), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- UBND xã Đak Yă, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung